

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm gần 12 điểm trong phiên giao dịch hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,301.39 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Hàng cá nhân & gia dụng, Bảo hiểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này quay trở lại bán ròng gần 1 nghìn tỷ trên sàn HSX. Đà tăng của VN-Index đã chứng lại trước ngưỡng kháng cự cũ và đang có dấu hiệu đảo chiều. Trong những phiên tới, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng, vì thị trường có thể tiếp tục giảm theo quán tính, nhất là khi đang trong quá trình lấp gap giảm lớn 1,270 – 1,315.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 16/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-11.81** điểm, đóng cửa tại **1301.39** điểm. HNX-Index **-0.59** điểm, đóng cửa tại **218.69** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPL (+1.43)**, **GEE (+0.47)**, **GEX (+0.22)**, **VRE (+0.19)**, **VIC (+0.18)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-2.29)**, **FPT (-1.33)**, **BID (-1.29)**, **CTG (-0.93)**, **VPB (-0.90)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,275** tỷ đồng, giảm **-21.34%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20,787 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 18.48 điểm. Thị trường có **132** mã tăng, 46 mã tham chiếu, **186** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-954.17** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VCB (-416.26 tỷ)**, **FPT (-228.30 tỷ)**, **VHM (-188.88 tỷ)**, **MSN (-102.50 tỷ)**, **VPB (-70.37 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-9.00** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.26%**. Các mã diễn biến tích cực:
HSG (+3.13%) [\(Link báo cáo\)](#)
KBC (+0.98%)
- BSC50 **-0.38%**. Các mã diễn biến tích cực:
DPG (+6.81%)
VTP (+4.71%)
GEX (+3.71%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.26%	-0.38%	-0.90%	-1.22%
1 tuần	4.30%	2.37%	2.69%	2.38%
1 tháng	10.62%	10.03%	7.53%	7.05%
3 tháng	11.82%	-0.75%	1.98%	3.28%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,301.39	218.69	95.50
% 1D	-0.90%	-0.27%	-0.04%
GTKL (tỷ VND)	19,275	1,139	524
%1D	-21.34%	-5.78%	-30.43%
GDNN (tỷ VND)	-954.17	-9.00	-7.56

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	125.61	VCB	-416.26
HSG	96.11	FPT	-228.30
TCH	92.82	VHM	-188.88
MBB	79.94	MSN	-102.50
NLG	53.13	VPB	-70.37

Thị trường thế giới

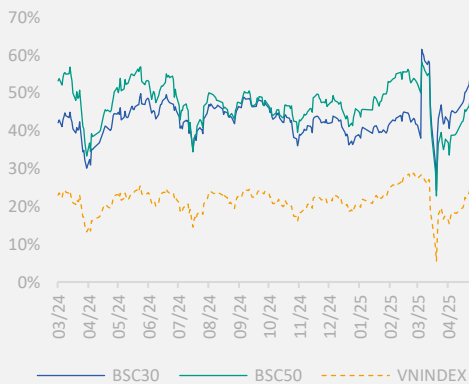
		%D	%W
SPX	5,917	0.41%	4.47%
FTSE100	8,685	0.59%	1.52%
Eurostoxx	5,450	0.86%	2.64%
Shanghai	3,367	-0.40%	0.76%
Nikkei	37,754	0.00%	0.68%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.59	-0.11%
Giá vàng	3,210	-1.29%
Tỷ giá		
USD/VND	26,110	0.00%
EUR/VND	29,848	0.02%
JPY/VND	183	0.55%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	0.00%
LS LNH 1M	4.2%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

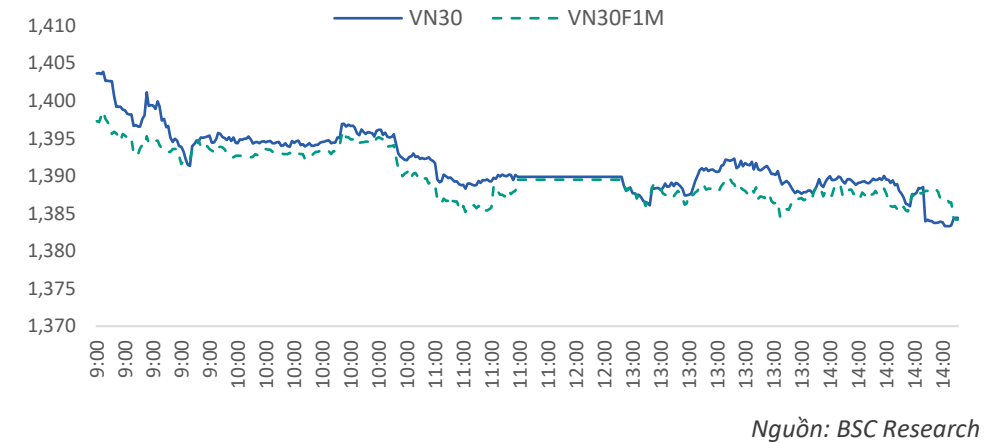
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1384.30	-0.75%	93	-25.0%	9/18/2025	125
VN30F2512	1385.10	-0.75%	86	17.8%	12/18/2025	216
41I1F7000	1385.90		2,446		7/17/2025	62
VN30F2506	1384.20	-0.84%	195,891	335.4%	6/19/2025	34

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -17.05 điểm, đóng cửa tại 1384.44 điểm. Biên độ dao động 21.20 điểm. Các cổ phiếu như FPT, HPG, TCB, VPB, STB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chìm trong sắc đỏ cả ngày. Chỉ số kết phiên dưới tham chiếu. Thanh khoản thị trường theo đó giảm xuống dưới ngưỡng MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2407	6/30/2025	45	52,500	-82.78%	15.87	200	66.7%	4.24	20.83	121.00	121.00
CVNM2505	6/30/2025	45	12,700	-86.73%	6.78	170	30.8%	12.36	7.46	56.20	56.20
CTPB2405	6/30/2025	45	8,600	-84.56%	1.90	50	25.0%	2.93	2.10	13.60	13.60
CVRE2504	6/30/2025	45	17,500	-65.59%	1.79	6,640	11.8%	22.72	8.43	24.50	24.50
CVHM2411	6/30/2025	45	19,700	-75.16%	5.06	1,870	10.0%	10.59	14.41	58.00	58.00
CVRE2509	11/19/2025	187	250,100	-68.83%	2.16	1,370	9.6%	5.60	7.64	24.50	24.50
CVRE2406	7/28/2025	73	55,800	-67.92%	1.90	1,490	9.6%	5.65	7.86	24.50	24.50
CVHM2505	7/21/2025	66	9,900	-73.28%	5.00	2,100	9.4%	10.61	15.50	58.00	58.00
CMWG2410	6/30/2025	45	211,500	-85.14%	7.08	240	9.1%	5.68	9.48	63.80	63.80
CVRE2506	7/21/2025	66	141,900	-67.92%	1.90	1,490	8.8%	5.65	7.86	24.50	24.50
CVHM2509	12/19/2025	217	5,200	-72.21%	5.67	2,090	8.3%	10.50	16.12	58.00	58.00
CVHM2508	11/19/2025	187	7,500	-72.08%	5.44	2,150	8.0%	10.54	16.19	58.00	58.00
CVHM2406	7/28/2025	73	83,200	-73.38%	5.00	2,610	7.9%	13.26	15.44	58.00	58.00
CVRE2510	12/19/2025	217	327,900	-69.10%	2.21	1,340	7.2%	5.59	7.57	24.50	24.50
CVRE2503	10/27/2025	164	19,700	-61.88%	1.80	3,770	7.1%	11.37	9.34	24.50	24.50
CVRE2508	10/20/2025	157	500	-68.29%	2.09	1,420	6.8%	5.61	7.77	24.50	24.50
CHPG2507	6/30/2025	45	11,200	-86.05%	2.96	320	6.7%	11.43	3.60	25.80	25.80
CVRE2502	5/26/2025	10	356,800	-62.37%	1.70	3,760	6.2%	11.40	9.22	24.50	24.50
CVRE2407	11/4/2025	172	1,900	-55.76%	1.60	4,620	5.0%	11.47	10.84	24.50	24.50
CVIC2503	6/30/2025	45	6,300	-47.31%	4.26	12,630	4.8%	25.25	42.15	80.00	80.00

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

***:** Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 16/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CFPT2407 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 66.67%. CMBB2502 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.94%.
- CVIC2501, CVIC2405, CVIC2503, CVIC2502, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CVHM2504, CVIC2503, CVRE2504, CMWG2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VRE	24.50	1.45%	0.48
VIC	80.00	0.25%	0.32
SAB	50.50	0.40%	0.04
PLX	35.75	0.56%	0.04

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	121.00	-3.20%	-4.41
HPG	25.80	-1.34%	-1.77
TCB	29.45	-1.51%	-1.28
VPB	18.05	-2.70%	-1.21
STB	39.80	-2.21%	-1.04

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	101.00	3.38%	1.43	1.79
GEE	93.30	7.00%	0.47	0.31
GEX	29.35	3.71%	0.22	0.86
VRE	24.50	1.45%	0.19	2.27
VIC	80.00	0.25%	0.18	3.88

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	11.10	4.72%	0.39	1.17
NTP	72.30	2.12%	0.14	0.14
BAB	11.30	0.89%	0.06	0.96
DL1	9.10	8.33%	0.05	0.11
KSF	64.70	0.31%	0.04	0.30

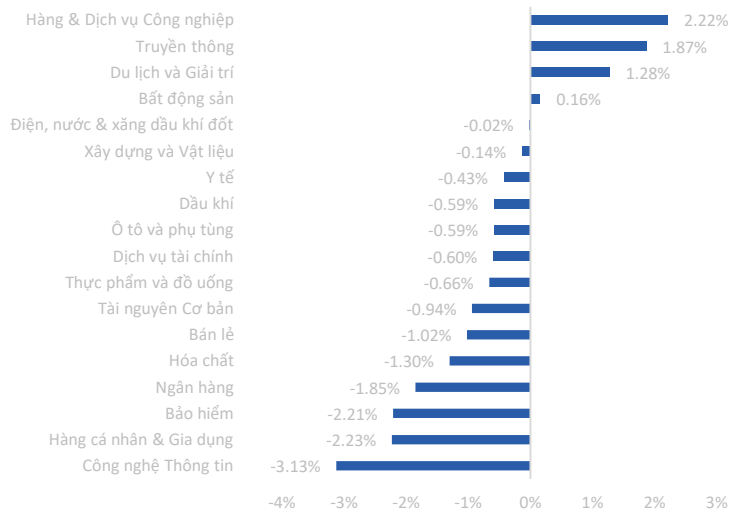
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GEE	93.30	7.00%	0.56	1.21
SMA	9.20	6.98%	0.00	0.00
STG	35.30	6.97%	0.06	0.00
VNE	4.92	6.96%	0.01	0.90
SSC	34.75	6.92%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PRC	21.80	9.55%	0.02	0.04
PMB	11.50	8.49%	0.04	0.01
DL1	9.10	8.33%	0.30	8.08
GKM	3.90	8.33%	0.04	0.86
PSC	13.00	8.33%	0.03	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	57.50	-2.04%	-2.29	8.36
FPT	121.00	-3.20%	-1.33	1.47
BID	36.60	-2.14%	-1.29	7.02
CTG	39.00	-1.89%	-0.93	5.37
VPB	18.05	-2.70%	-0.90	7.93

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	170.00	-7.36%	-1.58	0.20
HUT	12.90	-2.27%	-0.17	0.89
SHS	12.80	-2.29%	-0.15	0.81
PVS	27.50	-1.43%	-0.12	0.48
MBS	27.50	-1.08%	-0.11	0.57

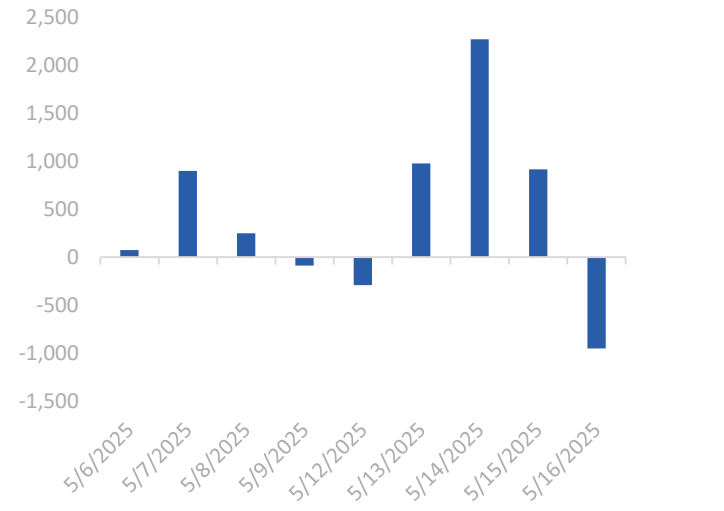
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TPC	10.70	-6.55%	0.00	0.00
L10	20.75	-6.53%	0.00	0.00
BHN	36.10	-6.36%	-0.12	0.00
LM8	13.00	-6.14%	0.00	0.00
CCC	14.45	-5.56%	-0.01	0.20

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SRA	3.80	-9.52%	-0.06	3.59
VCM	7.70	-9.41%	-0.02	0.00
PPP	19.60	-8.84%	-0.06	0.00
KKC	5.80	-7.94%	-0.01	0.01
PHN	66.50	-7.51%	-0.14	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	63.8	-0.8%	1.6	94,356	384.7	2,981	21.4		47.6%	
KBC	Bất động sản	25.9	1.0%	1.5	19,843	178.0	1,629	15.9		16.4%	
KDH	Bất động sản	28.7	-2.2%	1.2	29,020	51.5	896	32.0		36.1%	
PDR	Bất động sản	16.5	-1.8%	1.6	14,969	144.3	180	91.5	23,600	11.4%	Link
VHM	Bất động sản	58.0	0.0%	1.1	238,230	428.3	7,766	7.5	58,200	12.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	121.0	-3.2%	1.0	179,241	979.0	5,617	21.5	163,000	41.6%	Link
BSR	Dầu khí	17.8	-1.4%	0.0	55,034	35.2	(37)	-482.9		0.3%	
PVS	Dầu khí	27.5	-1.4%	1.3	13,144	76.8	2,303	11.9	40,300	15.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.4	-0.6%	1.5	19,007	381.5	1,394	18.9		40.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.7	-0.8%	1.3	46,496	725.8	1,546	15.3		35.0%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.6	-0.9%	1.3	26,965	403.6	1,602	23.4		30.5%	
DCM	Hóa chất	33.5	-0.9%	1.4	17,735	52.3	2,805	11.9	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	91.9	-1.7%	1.5	34,902	155.3	8,224	11.2	108,500	15.0%	Link
ACB	Ngân hàng	25.5	-0.4%	0.9	113,676	393.0	3,708	6.9	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	36.6	-2.1%	1.0	256,982	229.4	3,643	10.1	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	39.0	-1.9%	1.0	209,430	260.6	4,806	8.1	50,000	27.0%	Link
HDB	Ngân hàng	22.0	-1.4%	1.0	76,717	205.9	3,985	5.5		16.8%	
MBB	Ngân hàng	24.7	-1.6%	1.0	150,421	748.5	4,049	6.1	28,200	23.0%	Link
MSB	Ngân hàng	11.8	-2.1%	1.1	30,550	206.7	2,150	5.5	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	39.8	-2.2%	0.9	75,032	333.7	5,767	6.9		20.7%	
TCB	Ngân hàng	29.5	-1.5%	1.2	208,060	690.4	3,013	9.8	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.6	-1.1%	1.2	35,931	117.0	2,383	5.7	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	57.5	-2.0%	0.6	480,451	668.5	4,063	14.2		22.3%	
VIB	Ngân hàng	18.3	-2.4%	1.0	54,518	118.8	2,400	7.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.1	-2.7%	1.0	143,207	1076.1	2,030	8.9	24,000	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.8	-1.3%	1.2	165,023	485.8	1,954	13.2	37,500	22.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.5	3.1%	1.4	10,215	275.0	749	22.0	16,800	6.9%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.5	-1.9%	1.6	9,538	184.5	3,930	7.3	32,200	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	62.5	-0.5%	1.3	89,897	420.7	1,518	41.2		25.1%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.2	-1.1%	0.5	117,455	180.7	4,194	13.4		48.8%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	33.7	-2.03%	1.7	7,386	45.7	2,098	16.1	18.8%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	171.8	-1.83%	1.2	23,406	35.8	3,279	52.4	32.5%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	48.3	-2.72%	1.2	35,817	14.3	2,975	16.2	27.0%	9.7%	
DIG	Bất động sản	15.8	-1.56%	1.5	9,605	170.2	321	49.0	3.5%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.6	1.53%	1.5	14,413	254.3	372	44.5	23.5%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	23.4	-1.89%	1.3	4,165	79.5	436	53.6	3.3%	3.4%	
HDG	Bất động sản	24.7	-0.60%	1.4	8,291	54.8	839	29.4	19.7%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	42.0	0.00%	1.4	13,860	120.6	4,982	8.4	16.9%	31.2%	
NLG	Bất động sản	34.0	0.59%	1.5	13,073	130.3	1,827	18.6	41.4%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	67.9	-1.74%	0.0	14,295	47.4	6,076	11.2	4.5%	29.7%	
SZC	Bất động sản	33.6	-0.44%	1.3	6,048	49.8	2,036	16.5	2.0%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	18.2	2.54%	1.5	12,128	249.9	1,279	14.2	9.5%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	80.0	0.25%	1.2	305,893	372.5	2,823	28.3	7.7%	8.0%	
VRE	Bất động sản	24.5	1.45%	1.0	55,672	323.7	1,844	13.3	19.6%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	35.1	-3.18%	1.1	7,406	53.1	1,654	21.2	36.5%	12.5%	
PLX	Dầu khí	35.8	0.56%	0.9	45,424	51.9	1,535	23.3	17.4%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	18.7	-1.32%	1.1	10,395	65.8	1,246	15.0	7.6%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.2	0.00%	1.7	12,182	153.3	1,650	21.9	27.9%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.5	-1.08%	1.7	15,752	135.3	1,650	16.7	6.8%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.8	-0.32%	0.9	144,777	18.4	4,543	13.6	1.7%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.9	0.39%	1.0	30,210	144.9	606	21.3	3.8%	4.4%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	71.0	0.00%	1.0	33,442	62.8	4,511	15.7	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	90.0	-1.10%	0.5	48,745	74.5	2,783	32.3	12.5%	9.0%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	29.4	3.71%	1.5	26,485	277.3	1,954	15.0	9.6%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.9	-2.36%	1.0	22,648	129.2	3,797	14.2	39.9%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	66.1	1.54%	1.2	8,586	38.4	5,594	11.8	12.2%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.0	-0.23%	1.2	7,832	44.3	3,026	7.3	10.8%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	120.1	4.71%	0.0	14,626	155.9	3,235	37.1	6.5%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	81.0	-4.03%	1.1	27,370	117.3	6,105	13.3	48.8%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.6	-1.92%	0.8	3,117	43.1	2,869	10.7	49.8%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.1	-2.29%	1.3	2,096	11.8	2,580	6.6	16.6%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	33.9	-1.17%	1.2	13,247	60.3	1,223	27.7	9.1%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	27.7	-1.42%	1.6	110,800	75.1	1,174	23.6	0.8%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	19.5	-2.02%	1.1	36,230	150.0	1,856	10.5	4.0%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	36.5	-1.48%	0.6	109,036	168.2	3,333	11.0	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.0	-2.58%	0.0	23,333	22.1	2,809	6.1	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.9	-1.36%	1.0	26,754	31.8	1,189	9.1	19.2%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.9	0.00%	1.5	5,751	157.2	1,122	11.5	5.5%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.1	2.72%	1.5	4,020	18.9	612	24.7	0.7%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.6	-0.86%	0.7	10,504	93.7	1,438	24.0	2.6%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	50.5	0.40%	1.2	64,769	38.8	3,217	15.7	59.2%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	52.8	-2.04%	1.3	11,851	76.7	5,601	9.4	22.9%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	146.8	-1.48%	1.1	12,017	71.3	13,288	11.1	85.7%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	81.0	-1.70%	1.6	8,094	132.1	3,238	25.0	48.4%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	98.0	2.08%	1.3	11,210	90.3	4,754	20.6	8.3%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	54.9	6.81%	1.4	3,459	162.9	3,738	14.7	8.1%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	-1.61%	1.5	5,780	82.3	1,100	11.1	8.2%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.5	0.90%	1.3	8,029	50.7	1,217	18.5	16.6%	8.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.9	-0.91%	1.4	13,079	290.5	988	22.1	6.5%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.1	0.22%	1.5	20,669	33.3	2,720	17.0	5.8%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
13	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
15	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
16	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>